

**TỔNG HỢP XẾP LOẠI THI ĐUA LÃNH ĐẠO, GIÁO VIÊN, CÔNG NHÂN VIÊN
HKII + HKI VÀ CẢ NĂM (NĂM HỌC: 2018 - 2019)**

STT	Ban /Tổ	STT	Họ Tên	Chức Vụ	Tổng Điểm CM HKII	Kiểm nhiệm HKII	Tổng Điểm HKII	Xếp Loại HKII	ĐIỂM HKI	Xếp Loại HKI	Tổng Điểm Cả Năm	Xếp Loại Cả Năm
1	BGH	1	NGUYỄN HOÀNG DIỄM LY	BT - HT	110		110	A	110	A	110	A
2		2	PHẠM THỊ TỈNH	PBT - PHT	110		110	A	110	A	110	A
3	TỔ TOÁN	1	PHẠM THỊ GIANG	TT	107		107	A	107.75	A	107.375	A
4		2	HỒ THÁI BÌNH	GV	106.6	109	107.8	A	115.875	A	111.8375	A
5		3	LÊ THỊ MINH HIẾU	GV	107	104.75	105.875	A	108.625	A	107.25	A
6		4	TRẦN THỊ THÙY TRANG	GV	108	115.5	111.75	A	111.8125	A	111.7813	A
7		5	ĐÀO NGỌC QUANG	GV	104	114	109	A	109.45	A	109.225	A
8		6	NGUYỄN THỊ TRANG	GV	108		108	A	105.5	A	106.75	A
9		7	HỒ THỊ LÝ	GV	100		100	A	NTS		100	A
10		8	HỒ THỊ MỸ	GV	105.4		105.4	A	107.5	A	106.45	A
11		9	PHẠM TRUNG ANH	GV	106		106	A	104.55	A	105.275	A
12		10	NGUYỄN THÁI TRUNG	GV	105.4	111.5	108.45	A	107.5	A	107.975	A
13	TỔ TIN	1	HÀ THẢO CHI	TT	104.2		104.2	A	102.5	A	103.35	A
14		2	PHẠM THÀNH PHƯỚC	GV	105		105	A	105.8	A	105.4	A
15		3	BÙI HOÀNG ANH	GV	105.2		105.2	A	106.3	A	105.75	A
16		4	NGUYỄN LÂM NGỌC ÁNH	GV	104	100.7	102.35	A	104.9	A	103.625	A
17	TỔ LÝ	1	NGUYỄN THANH TÂN	TT	106		106	A	108.25	A	107.125	A
18		2	NGUYỄN THỂ LỢI	GV	110	101	105.5	A	104.937	A	105.2185	A
19		3	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	GV	105		105	A	105	A	105	A
20		4	TRẦN THỊ THƠM	GV	104.8	109.375	107.0875	A	108.875	A	107.9813	A
21		5	CAO THỊ THIÊN ĐOAN	GV	107	115	111	A	110.5	A	110.75	A
22	TỔ HÓA	1	NGUYỄN CHIẾN LỢI	TT	104		104	A	102.5	A	103.25	A
23			VÔ THỊ THU THẢO	GV	105	114.75	109.875	A	115.275	A	112.575	A
24		2	NGUYỄN THỊ THUÝ HIỀN	GV	105	105.3	105.15	A	107.5	A	106.325	A
25			TẠ THỊ THU HUYỀN	GV	104		104	A	110	A	107	A
26	TỔ SINH	1	NGUYỄN THỊ VÂN NAM	TT-CTCD	106.5		106.5	A	106.5	A	106.5	A
27		2	PHAN THỊ VINH	TBTT	106.4		106.4	A	106.3	A	106.35	A
28		3	MAI PHƯƠNG	GV	NTS			A	105	A	105	A
29		4	CHU THỊ NĂM	GV	104.8		104.8	A	105	A	104.9	A
30		5	HÀ THỊ THÊM	GV	NTS			A	100.8	A	50.4	A

	Ban /Tổ	STT	Họ Tên	Chức Vụ	Tổng Điểm CM HKII	Kiểm nhiệm HKII	Tổng Điểm HKII	Xếp Loại HKII	ĐIỂM HKI	Xếp Loại HKI	Tổng Điểm Cả Năm	Xếp Loại Cả Năm
31	TỔ CÔNG NGHỆ	1	LÊ THỊ KIM NGÂN	TT	105		105	A	107.25	A	106.125	A
32		2	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	GV	102	112	107	A	107.187	A	107.0935	A
33		3	LÝ NGỌC KIM TRANG	GV	105.6		105.6	A	105.75	A	105.675	A
34	TỔ NGŨ VĂN	1	VŨ THỊ NGỌC	TT	108.8		108.8	A	108.25	A	108.525	A
35		2	VŨ THỊ LỆ DUYÊN	GV	110.4	114.5	112.45	A	111.925	A	112.1875	A
36		3	LÊ THỊ LAN	GV	110.2	113	111.6	A	112.825	A	112.2125	A
37		4	BÙI DANH HÒA	GV	105.4		105.4	A	110	A	107.7	A
38		5	PHẠM THỊ YẾN LINH	GV	109.8	115.625	112.7125	A	114.125	A	113.4188	A
39		6	NGUYỄN THỊ QUYỀN	GV	106.4	115.5	110.95	A	105.687	A	108.3185	A
40		7	NGUYỄN TRỌNG TƯỚNG	KHD - PCTC	104.4		104.4	A	103.25	A	103.825	A
41		8	BÙI THANH HUYỀN	GV	106.4	108.7	107.55	A	109.55	A	108.55	A
42		9	TRẦN THỊ HOÀI THANH	GV	111.2	116.875	114.0375	A	114.75	A	114.3938	A
43		10	NGUYỄN THỊ THANH NGA	GV	105.6		105.6	A	106.25	A	105.925	A
44		11	NGUYỄN LÊ NGỌC TRAI	GV	107.6	114.75	111.175	A	111.937	A	111.556	A
45	TỔ SỬ	1	LÊ THỊ HOA MAI	TT	107.6	122.5	115.05	A	109.687	A	112.3685	A
46		2	HUỲNH THỊ THU THẢO	GV	105		105	A	105	A	105	A
47		3	NGUYỄN THỊ CHIỀU	GV	106.6	114	110.3	A	108.6	A	109.45	A
48	TỔ ĐỊA	1	NGUYỄN THỊ HÀ	TT	106.4		106.4	A	107	A	106.7	A
49		2	HÀ HẢI VÂN	GV	111.6	111.75	111.675	A	111.125	A	111.4	A
50		3	NGUYỄN THỂ HẢI	GV	106	102.875	104.4375	A	107.25	A	105.8438	A
51		4	QUAN THỊ NGUYỆT	GV	107.4	107.625	107.5125	A	111	A	109.2563	A
52	TỔ CÔNG DÂN	1	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	TT	105.6		105.6	A	102.25	A	103.925	A
53		2	PHẠM HỒNG VÂN	GV	110	113.5	111.75	A	108.75	A	110.25	A
54		3	LÊ THỊ HÀ	BTCĐGV	104.5		104.5	A		A	104.5	A
55	TỔ ANH VĂN	1	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	TT	104.4		104.4	A	105.75	A	105.075	A
56		2	CAO THỊ THÙY LINH	GV	107	106.25	106.625	A	110.562	A	108.5935	A
57		3	TRẦN THỊ THANH LAN	GV	105.2		105.2	A	104.5	B	104.85	A
58		4	VÔ THỊ THÚY LAN	GV	103.6	101.5	107.5	A	104.4	A	105.95	A
59		5	NGUYỄN PHƯƠNG TIÊU MY	GV	104.2	103	103.6	A	105.575	A	104.5875	A
60		6	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	GV	105		105	A	110.175	A	107.5875	A
61		7	VŨ THỊ TRÂM	GV	106.6	110	105.7	A	109.175	A	107.4375	A
62		8	NGUYỄN THUY KIỀU KHANH	GV	106	105.8	105.9	A	105.925	A	105.9125	A

	Ban /Tổ	STT	Họ Tên	Chức Vụ	Tổng Điểm CM HKII	Kiểm nhiệm HKII	Tổng Điểm HKII	Xếp Loại HKII	ĐIỂM HKI	Xếp Loại HKI	Tổng Điểm Cả Năm	Xếp Loại Cả Năm
63	TỔ THỂ DỤC + QP	1	NGUYỄN NGỌC LY CƠ	TT	110		110	A	113.75	A	111.875	A
64		2	TÔ QUỲNH NHI	GV	110		110	A	108.25	A	109.125	A
65		3	HỒ THỊ HÀ	GV	NTS		NTS	A	105	A	105	A
66		4	PHẠM PHÙNG THẢO	GV	111		111	A	113.25	A	112.125	A
67		5	LÊ HOÀNG VUI	GV	110		110	A	107.5	A	108.75	A
68		6	NGUYỄN HỮU THỜI	GV	105		105	A	107.5	A	106.25	A
69	TỔ HÀNH CHÍNH	1	Phan Tử Quang	KT - TT	105		105	A	104	A	104.5	A
70		2	Hồ Thị Kim Oanh	HV	105		105	A	NTS		105	A
71		3	Huỳnh Thị Ngọc Thi	VT	105.6		105.6	A	104	A	104.8	A
72		4	Nguyễn Thanh Hồng Diệu Linh	TQ	105		105	A	Làm việc từ T11/2018	A	Không đủ thời gian xếp loại năm	
73		5	Nguyễn Minh Phúc	TV	105.4		105.4	A	104	A	104.7	A
74		6	Phan Nguyễn Thị Mây	YT	103.6		103.6		Làm việc từ T11/2018		Không đủ thời gian xếp loại năm	
75		7	Trần Lệ Hằng	PV	104		104	A	104	A	104	A
76		8	Nguyễn Thị Thanh	PV	101		101	A	103	A	102	A
77		9	Nguyễn Thanh Tâm	BV	105		105	A	106	A	105.5	A
78		10	Đỗ Xuân Phụng	BV	105		105	A	105	A	105	A
79		11	Nguyễn Anh Tuấn	BV	105		105	A	105	A	105	A
80		12	Nguyễn Tấn Phúc	GT	103.6		103.6	A	104	A	103.8	A
81		13	Huỳnh Văn Hiền	TB	101		101	A	104	A	102.5	A
82		14	Đặng Thanh Thùy Trang	TQ			100	Làm việc từ T03/2019			Không đủ thời gian	
83		15	Trần Thị Kim Chi	PV			100	Làm việc từ T03/2018			Không đủ thời gian	

Hiệu Trưởng

Thư Ký

Nguyễn Trọng Tường